



Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp

Số 0200453688

ngày 2 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2002. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 2 tháng 7 năm 2015.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Hòa
Ông Nguyễn Văn Tiến
Ông Trần Xuân Bạo
Bà Hoàng Thị Hà
Ông Hoàng Trọng Giang
Ông Nguyễn Thế Trọng
Ông Nguyễn Việt Trung
Ông Nghiêm Tuấn Anh
Ông Hoàng Tiến Lục
Ông Lương Hoài Trân
Ông Chada Gurudas Rajiv

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 23/3/2015)
Thành viên (từ ngày 23/3/2015)
Thành viên (từ ngày 23/3/2015)
Thành viên (từ ngày 23/3/2015)
Thành viên (đến ngày 22/3/2015)
Thành viên (đến ngày 22/3/2015)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tiến
Ông Trần Xuân Bạo
Ông Nguyễn Thế Trọng

Ông Hoàng Trọng Giang
Ông Lương Hoài Trân

Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính (từ ngày 25/3/2015)
Giám đốc Kỹ thuật (từ ngày 25/3/2015)
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 24/3/2015)
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 24/3/2015)
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 24/3/2015)

Trụ sở đăng ký

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”)
Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 2 năm 2016

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72-Storey Building,
Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 2 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-118-1

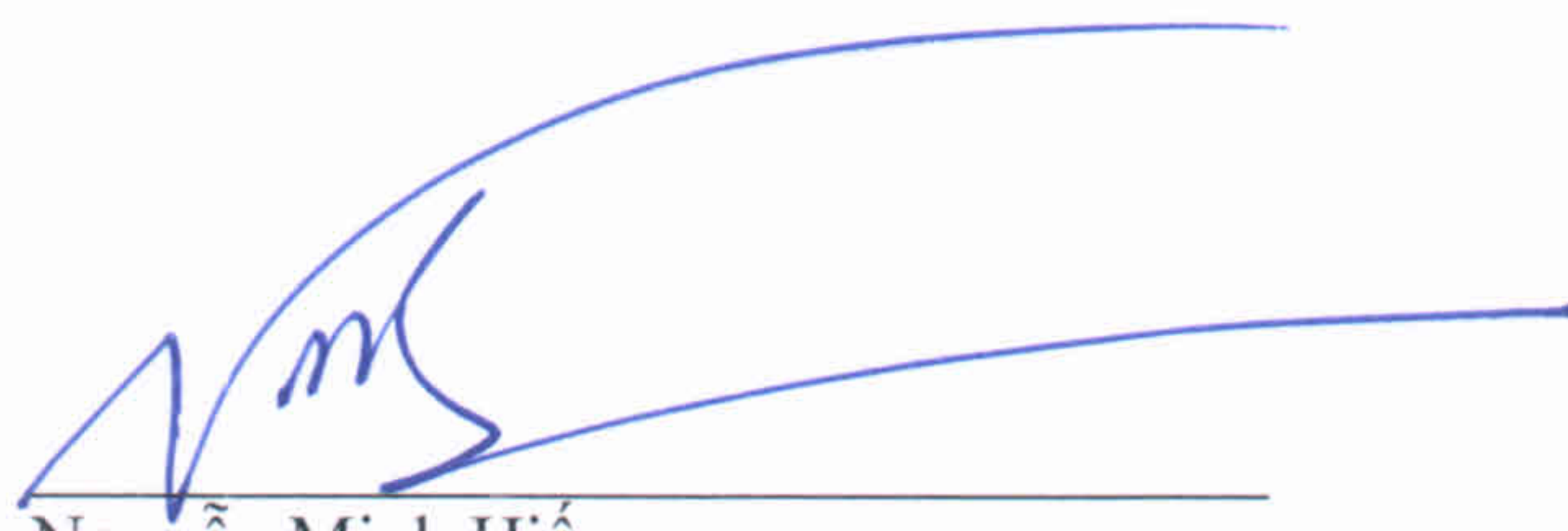


Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 2016



Nguyễn Minh Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1572-2013-007-1

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		610.266.163.856	481.574.813.675
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	280.989.840.262	128.764.748.165
Tiền	111		30.597.340.262	15.027.118.165
Các khoản tương đương tiền	112		250.392.500.000	113.737.630.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70.000.000.000	47.685.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	70.000.000.000	47.685.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		245.520.689.131	288.539.707.535
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	50.145.092.624	53.627.578.127
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.064.627.418	1.359.188.649
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	194.629.297.610	233.871.269.280
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(318.328.521)	(318.328.521)
Hàng tồn kho	140	9	8.427.444.965	5.895.910.818
Hàng tồn kho	141		8.427.444.965	5.895.910.818
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.328.189.498	10.689.447.157
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16(a)	5.325.239.664	9.800.402.456
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153		2.949.834	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	889.044.701

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		788.192.043.387	718.262.513.765
Các khoản phải thu dài hạn	210		92.019.333.333	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	10	92.019.333.333	-
Tài sản cố định	220		145.941.744.249	170.974.894.588
Tài sản cố định hữu hình	221	11	135.298.798.152	165.595.422.875
Nguyên giá	222		405.876.992.678	417.421.824.068
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(270.578.194.526)	(251.826.401.193)
Tài sản cố định vô hình	227	12	10.642.946.097	5.379.471.713
Nguyên giá	228		12.083.067.663	6.321.095.603
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.440.121.566)	(941.623.890)
Tài sản dở dang dài hạn	240		30.466.364	5.642.438.424
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	30.466.364	5.642.438.424
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	531.545.000.000	517.875.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		448.525.000.000	434.700.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		82.710.000.000	82.710.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		310.000.000	465.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		18.655.499.441	23.770.180.753
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	18.655.499.441	23.770.180.753
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.398.458.207.243	1.199.837.327.440

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		198.034.112.811	202.922.677.094
Nợ ngắn hạn	310		193.305.792.811	193.739.197.094
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	46.989.577.434	48.570.385.728
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		875.813.183	583.326.441
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(b)	15.615.168.560	18.750.213.021
Phải trả người lao động	314		23.464.040.782	14.675.466.942
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	245.000.000	3.253.858.719
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	65.319.026.951	72.642.241.549
Vay ngắn hạn	320	19(a)	4.868.640.000	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.982.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	31.946.525.901	35.263.704.694
Nợ dài hạn	330		4.728.320.000	9.183.480.000
Phải trả dài hạn khác	337		40.000.000	122.600.000
Vay dài hạn	338	19(b)	4.688.320.000	9.060.880.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.200.424.094.432	996.914.650.346
Vốn chủ sở hữu	410	21	1.200.424.094.432	996.914.650.346
Vốn cổ phần	411	22	414.160.420.000	345.415.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	22	414.160.420.000	345.415.410.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	36.141.891.246	37.231.904.775
Cổ phiếu quỹ	415	22	-	(10.396.631.245)
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	537.161.063.042	434.598.341.042
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	212.960.720.144	190.065.625.774
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(17.123.058.783)	(31.375.589.609)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		230.083.778.927	221.441.215.383
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.398.458.207.243	1.199.837.327.440

Ngày 18 tháng 2 năm 2016

Người lập:


Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:


Trần Xuân Bảo
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	665.351.134.211	633.508.110.181
Giá vốn hàng bán	11	27	378.688.645.234	412.241.196.575
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		286.662.488.977	221.266.913.606
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	67.813.241.376	55.729.023.607
Chi phí tài chính	22	29	1.015.064.190	(7.813.030.335)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		298.365.015	369.987.447
Chi phí bán hàng	25		-	180.223.815
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		18.869.533.866	17.331.237.585
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		334.591.132.297	267.297.506.148
Thu nhập khác	31		209.764.794	610.261.201
Chi phí khác	32	30	2.228.008.495	157.190.537
(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2.018.243.701)	453.070.664
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		332.572.888.596	267.750.576.812
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	60.548.067.669	46.309.361.429
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		272.024.820.927	221.441.215.383

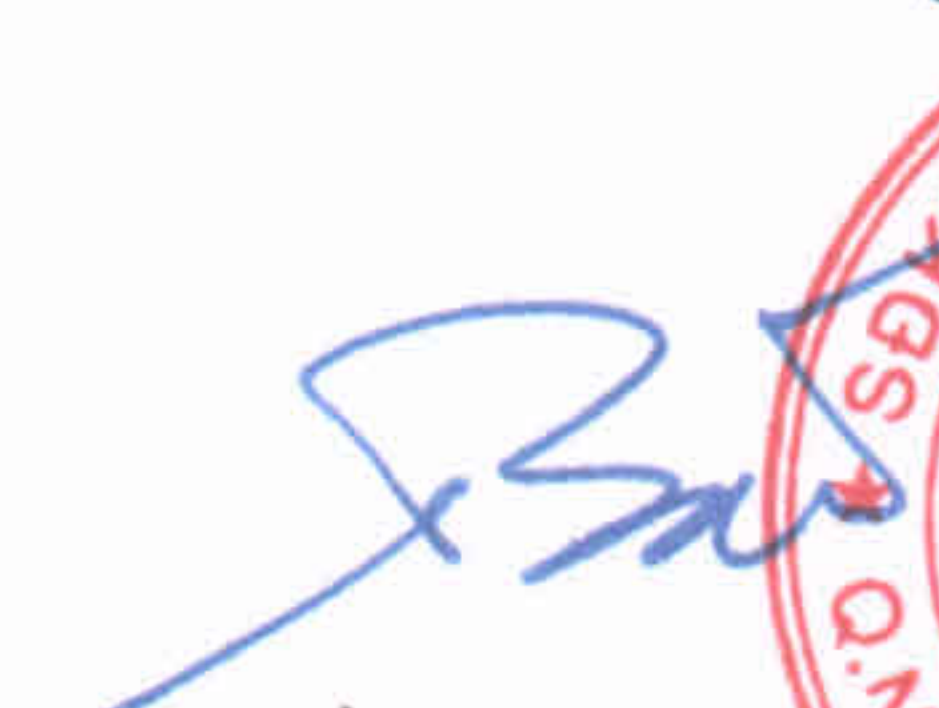
Ngày 18 tháng 2 năm 2016

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:




Trần Xuân Bảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2015 VND	2014 VND Đã trình bày lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	332.572.888.596	267.750.576.812
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	30.245.245.723	36.271.713.068
Các khoản dự phòng	03	-	(8.250.000.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(205.827.859)	(3.241.232)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(64.409.748.953)	(55.704.008.874)
Chi phí lãi vay	06	298.365.015	369.987.447
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	298.500.922.522	240.435.027.221
Biến động các khoản phải thu	09	68.306.644.500	58.893.188.155
Biến động hàng tồn kho	10	(2.531.534.147)	3.420.093.838
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	2.826.930.941	28.021.124.983
Biến động chi phí trả trước	12	5.114.681.312	(166.847.369)
		372.217.645.128	330.602.586.828
Tiền lãi vay đã trả	14	(374.879.232)	(388.403.990)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(63.347.614.065)	(44.806.543.782)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.225.604.626	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(19.684.284.260)	(14.803.436.398)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	290.036.472.197	270.604.202.658

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2015 VND	2014 VND Đã trình bày lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(15.500.677.273)	(5.060.743.704)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	13.672.545.454	343.609.463
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(112.315.000.000)	(25.685.000.000)
Tiền thu từ bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	4.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(325.500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	13.744.899.600	22.635.361.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27	11.915.898.419	20.740.574.851
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(88.482.333.800)	(308.026.198.390)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	9.306.617.716	-
Tiền trả cổ tức	36	(58.841.491.875)	(48.697.966.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(49.534.874.159)	(48.697.966.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	152.019.264.238	(86.119.961.732)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm (Thuyết minh 5)	60	128.764.748.165	214.881.468.665
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	205.827.859	3.241.232
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	280.989.840.262	128.764.748.165

Ngày 18 tháng 2 năm 2016

Người lập:


Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:


Trần Xuân Bảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này.*

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

- Theo Quyết định số 01-15/QĐ-TSCĐ của Tổng Giám đốc Công ty ban hành ngày 3 tháng 1 năm 2015 và Quyết định số 72/QĐ-TL ban hành ngày 1 tháng 6 năm 2015, Công ty đã thực hiện thanh lý các sà lan và một số rơ-mooc có giá trị còn lại là 15.901 triệu VND (Thuyết minh 11). Khoản lỗ từ hoạt động thanh lý và chi phí thanh lý trị giá 2.228 triệu VND được phản ánh trong khoản mục Chi phí khác (Thuyết minh 30).
- Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty ghi nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác nhận vốn góp từ Công ty với tổng giá trị 52.488 triệu VND (năm kết thúc ngày 31/12/2014: 41.448 triệu VND) (Thuyết minh 28).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 7 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2015: 7 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b). Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty còn nắm giữ quyền biểu quyết gián tiếp tại 1 công ty liên kết thông qua một công ty con của Công ty (1/1/2015: 1 công ty liên kết).

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Văn phòng Công ty Cổ phần Container Việt Nam, Xí nghiệp Cảng Viconship và hai chi nhánh là Chi nhánh Quảng Ninh và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 339 nhân viên (1/1/2015: 353 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng của Công ty, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập theo phương pháp trực tiếp. Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, số liệu so sánh của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Công ty, nếu có, được trình bày trong Thuyết minh 4(a) – Các giao dịch bằng ngoại tệ.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 7 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 23 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 12 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận riêng của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	410.826.726	1.050.007.759
Tiền gửi ngân hàng	30.186.513.536	13.977.110.406
Các khoản tương đương tiền	250.392.500.000	113.737.630.000
	280.989.840.262	128.764.748.165

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	70.000.000.000	47.685.000.000

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		31/12/2015			1/1/2015				
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Gia gốc (*) VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Gia gốc (*) VND
Đầu tư góp vốn vào:									
Công ty con									
▪	Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh		100%	100%	15.000.000.000		100%	100%	15.000.000.000
▪	Công ty Cổ phần Container Miền Trung (i)	1.982.500	65%	65%	19.825.000.000		100%	100%	6.000.000.000
▪	Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh		100%	100%	6.000.000.000		100%	100%	6.000.000.000
▪	Công ty TNHH Tuyển T.S (ii)		100%	100%	200.000.000		100%	100%	200.000.000
▪	Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh		100%	100%	90.000.000.000		100%	100%	90.000.000.000
▪	Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh		100%	100%	25.000.000.000		100%	100%	25.000.000.000
▪	Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP	29.250.000	65%	65%	292.500.000.000	29.250.000	65%	65%	292.500.000.000
Công ty liên kết									
▪	Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	111.000	37%	37%	12.210.000.000	111.000	37%	37%	12.210.000.000
▪	Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	7.050.000	17,6%	22%	70.500.000.000	7.050.000	17,6%	22%	70.500.000.000
Đơn vị khác									
▪	Công ty TNHH MSC Việt Nam		10%	10%	310.000.000		15%	15%	465.000.000
					531.545.000.000	517.875.000.000			

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty Cổ phần Container Miền Trung được chuyển đổi từ Công ty TNHH Container Miền Trung. Theo Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐQT ban hành ngày 16 tháng 9 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Container Miền Trung từ 6.000.000.000 VND lên 30.500.000.000 VND. Nghị quyết số 12/2015/NQ-HĐQT do Hội đồng Quản trị Công ty ban hành ngày 21 tháng 10 năm 2015 thông qua phương án chuyển đổi mô hình hoạt động của công ty con này từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần, với tên gọi Công ty Cổ phần Container Miền Trung, đồng thời quyết định chuyển nhượng 1.067.500 cổ phần (tương ứng 35% vốn điều lệ) của công ty con này cho cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Container Việt Nam.
- (ii) Theo Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐQT ban hành ngày 27 tháng 7 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua chủ trương giải thể Công ty TNHH Tuyến T.S. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty TNHH Tuyến T.S đang thực hiện các thủ tục giải thể.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam		
- Chi nhánh Hải Phòng	7.963.587.548	5.529.224.080
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam		
- Chi nhánh Đại lý Hàng hải Hải Phòng	5.505.268.102	5.085.099.380
Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Evergreen Việt Nam	12.997.042.673	10.273.389.388
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	3.388.406.270	8.283.674.547
Công ty TNHH MTV Vận tải đường biển Prince Việt Nam	805.111.354	8.560.602.907
Các khách hàng khác	19.485.676.677	15.895.587.825
	50.145.092.624	53.627.578.127

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	456.626.860	-

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Phải thu khác từ các bên liên quan		
▪ Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	157.640.035.386	173.973.135.549
▪ Công ty Cổ phần Container Miền Trung	-	22.882.827.638
▪ Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh	22.631.373.162	24.901.116.965
▪ Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	12.971.338.065	10.654.964.447
▪ Công ty TNHH Tuyến T.S	103.738.758	118.460.702
	193.346.485.371	232.530.505.301
Các khoản phải thu khác	1.282.812.239	1.340.763.979
	194.629.297.610	233.871.269.280

Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Nguyên vật liệu	7.879.763.361	-	5.229.076.665
Công cụ và dụng cụ	2.162.590	-	2.533.383
Hàng hóa	545.519.014	-	664.300.770
	8.427.444.965	-	5.895.910.818

10. Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Phải thu từ Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP		
▪ Khoản gốc tiền cho vay	90.000.000.000	-
▪ Tiền lãi cho vay nhập gốc	2.019.333.333	-
	92.019.333.333	-

Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố cộng 1,8%/năm và đáo hạn trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	149.292.361.216	1.497.492.429	6.420.496.972	260.211.473.451	417.421.824.068
Tăng trong năm	6.210.749.091	-	1.186.430.000	645.000.000	8.042.179.091
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	7.308.498.182	7.308.498.182
Thanh lý	-	-	-	(26.895.508.663)	(26.895.508.663)
Số dư cuối năm	155.503.110.307	1.497.492.429	7.606.926.972	241.269.462.970	405.876.992.678
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	94.508.087.512	1.277.824.963	4.029.228.611	152.011.260.107	251.826.401.193
Khấu hao trong năm	13.565.423.189	128.128.414	701.408.357	15.351.788.087	29.746.748.047
Thanh lý	-	-	-	(10.994.954.714)	(10.994.954.714)
Số dư cuối năm	108.073.510.701	1.405.953.377	4.730.636.968	156.368.093.480	270.578.194.526
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	54.784.273.704	219.667.466	2.391.268.361	108.200.213.344	165.595.422.875
Số dư cuối năm	47.429.599.606	91.539.052	2.876.290.004	84.901.369.490	135.298.798.152

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 125.770 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 103.476 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 41.273 triệu VND (1/1/2015: 47.464 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19(b)).

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	5.355.027.273	966.068.330	6.321.095.603
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	5.761.972.060	5.761.972.060
Số dư cuối năm	5.355.027.273	6.728.040.390	12.083.067.663
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	941.623.890	941.623.890
Khấu hao trong năm	-	498.497.676	498.497.676
Số dư cuối năm	-	1.440.121.566	1.440.121.566
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.355.027.273	24.444.440	5.379.471.713
Số dư cuối năm	5.355.027.273	5.287.918.824	10.642.946.097

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	5.642.438.424	4.248.855.624
Tăng trong năm	7.458.498.182	1.393.582.800
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.308.498.182)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(5.761.972.060)	-
Số dư cuối năm	30.466.364	5.642.438.424

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	23.770.180.753
Tăng trong năm	22.082.655.220
Phân bổ trong năm	(27.197.336.532)
Số dư cuối năm	18.655.499.441

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	15.850.750.680	17.655.493.357
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	11.006.744.137	9.868.373.231
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	3.435.026.537	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	3.029.003.166	5.136.934.810
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Kho vận Hồng Quân	3.223.038.850	2.842.798.750
Các nhà cung cấp khác	10.445.014.064	13.066.785.580
	46.989.577.434	48.570.385.728

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	3.029.003.166	5.136.934.810
▪ Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	1.935.022.925	3.393.405.850
▪ Công ty TNHH MTV Bến Xanh	1.298.909.233	1.071.252.081
▪ Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	3.435.026.537	-
Công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	15.850.750.680	17.655.493.357
	25.548.712.541	27.257.086.098

Khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được khấu trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	9.800.402.456	30.497.793.034	(34.972.955.826)	5.325.239.664

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ đã được khấu trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	335.076.292	39.990.686.098	(40.283.092.444)	42.669.946
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.294.424.217	60.548.067.669	(63.347.614.065)	11.494.877.821
Thuế thu nhập cá nhân	936.895.758	2.759.443.036	(3.457.122.794)	239.216.000
Các loại thuế khác	3.183.816.754	50.865.873.829	(50.211.285.790)	3.838.404.793
	18.750.213.021	154.164.070.632	(157.299.115.093)	15.615.168.560

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	-	76.514.217
Các khoản trích trước khác	245.000.000	3.177.344.502
	245.000.000	3.253.858.719

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Phải trả ngắn hạn khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Kinh phí công đoàn	3.800.783.913	3.951.113.873
Các khoản thu hộ hãng tàu	48.794.282.310	49.611.508.287
Cổ tức phải trả	618.280.425	856.259.800
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.105.680.303	18.223.359.589
	65.319.026.951	72.642.241.549

(b) Phải trả khác cho các bên liên quan

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty con		
▪ Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh	11.608.399.426	16.361.420.258
▪ Công ty Cổ phần Container Miền Trung	30.000.000	-
▪ Công ty TNHH Tuyền T.S	200.000.000	-
	11.838.399.426	16.361.420.258

Khoản phải trả công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

19. Vay ngắn hạn và dài hạn

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2015 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng trong năm VND	31/12/2015 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả	-	4.868.640.000	4.868.640.000
		4.868.640.000	4.868.640.000

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Khoản vay ngân hàng	USD	4%	2017	9.556.960.000	9.060.880.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(4.868.640.000)	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				4.688.320.000	9.060.880.000

Khoản vay ngân hàng của Công ty được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 41.273 triệu VND (1/1/2015: 47.464 triệu VND) (Thuyết minh 11).

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	35.263.704.694	34.543.336.309
Trích lập trong năm	17.781.991.816	16.514.637.509
Sử dụng trong năm	(21.099.170.609)	(15.794.269.124)
Số dư cuối năm	31.946.525.901	35.263.704.694

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	288.126.500.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	310.151.868.629	23.296.125.011	193.941.271.302	842.351.038.472
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	221.441.215.383	221.441.215.383
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	96.376.199.402	4.774.148.000	(101.150.347.402)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(16.514.637.509)	(16.514.637.509)
Cổ tức	57.288.910.000	-	-	-	-	(105.986.876.000)	(48.697.966.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.665.000.000)	(1.665.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	345.415.410.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	406.528.068.031	28.070.273.011	190.065.625.774	996.914.650.346
Phân loại lại (Thuyết minh 35)	-	-	-	28.070.273.011	(28.070.273.011)	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2015 - Đã phân loại lại	345.415.410.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	434.598.341.042	-	190.065.625.774	996.914.650.346
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	272.024.820.927	272.024.820.927
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	102.223.212.241	-	(102.223.212.241)	-
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	(1.090.013.529)	10.396.631.245	-	-	-	9.306.617.716
Điều chuyển từ công ty con	-	-	-	339.509.759	-	-	339.509.759
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(17.781.991.816)	(17.781.991.816)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	68.745.010.000	-	-	-	-	(127.348.522.500)	(58.603.512.500)
Thường Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.776.000.000)	(1.776.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	414.160.420.000	36.141.891.246	-	537.161.063.042	-	212.960.720.144	1.200.424.094.432

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	41.416.042	414.160.420.000	34.541.541	345.415.410.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	41.416.042	414.160.420.000	34.541.541	345.415.410.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	166.600	10.396.631.245
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	41.416.042	414.160.420.000	34.374.941	335.018.778.755

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2015		2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	34.541.541	345.415.410.000	28.812.650	288.126.500.000
Phát hành cổ phiếu trong năm để trả cổ tức (Thuyết minh 23)	6.874.501	68.745.010.000	5.728.891	57.288.910.000
Số dư cuối năm	41.416.042	414.160.420.000	34.541.541	345.415.410.000

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Cổ tức

Ngày 23 tháng 3 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền cho năm 2014 với mức 5% mệnh giá cổ phần (500 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 17.187 triệu VND.

Ngày 23 tháng 3 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cũng phê duyệt việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 20% mệnh giá cổ phần. Ngày 9 tháng 6 năm 2015, Công ty đã phát hành 6.874.501 cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Ngày 27 tháng 7 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm 2015 bằng tiền với mức 10% mệnh giá cổ phần (1.000 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 41.416 triệu VND.

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	3.260.944.800	2.205.398.107
Trong vòng hai đến năm năm	13.043.779.200	8.821.592.427
Sau năm năm	29.606.255.507	17.233.583.080
	45.910.979.507	28.260.573.614

(b) Ngoại tệ các loại

		31/12/2015		1/1/2015
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.202.173	27.024.359.614	799.958	17.095.102.460

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu bao gồm:

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng	20.248.293.713	30.101.868.293
Doanh thu cung cấp dịch vụ	645.102.840.498	603.406.241.888
	665.351.134.211	633.508.110.181

27. Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	19.434.406.352	27.798.554.023
Giá vốn dịch vụ đã cung ứng	359.254.238.882	384.442.642.552
	378.688.645.234	412.241.196.575

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	11.235.231.752	12.724.303.851
Lãi từ giao dịch chuyển nhượng các khoản đầu tư	2.914.899.600	1.241.361.000
Cổ tức và lợi nhuận được chia	52.487.626.096	41.447.504.339
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.175.483.928	315.854.417
	67.813.241.376	55.729.023.607

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

29. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	298.365.015	369.987.447
Lỗ chênh lệch tỷ giá	716.699.175	66.982.218
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	-	(8.250.000.000)
	1.015.064.190	(7.813.030.335)

30. Chi phí khác

	2015 VND	2014 VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định và chi phí thanh lý	2.228.008.495	36.390.537
Chi phí khác	-	120.800.000
	2.228.008.495	157.190.537

31. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	18.806.641.379	43.592.259.437
Chi phí nhân công	66.530.880.123	46.979.400.332
Chi phí khấu hao và phân bổ	30.245.245.723	36.271.713.068
Chi phí dịch vụ mua ngoài	239.065.745.372	269.102.574.099
Chi phí khác	42.909.666.503	33.806.711.039

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	59.584.903.704	46.309.361.429
Dự phòng thiếu trong những năm trước	963.163.965	-
	60.548.067.669	46.309.361.429

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	332.572.888.596	267.750.576.812
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	73.166.035.491	58.905.126.899
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi	(2.556.686.934)	(3.696.631.977)
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	522.832.888	219.317.462
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(11.547.277.741)	(9.118.450.955)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	963.163.965	-
	60.548.067.669	46.309.361.429

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động kinh doanh Xí nghiệp Cảng Viconship trong vòng 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2006 đến năm 2015 - đối với cầu cảng số 2) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thông thường.

Mức thuế suất thông thường trong năm 2014 và 2015 là 22% và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2015	2014
	VND	VND
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	16.506.773.930	24.952.036.142
Sử dụng dịch vụ	20.766.542.350	31.900.294.705
Lợi nhuận được chia từ công ty con	3.964.783.773	3.170.761.508
 <i>Công ty Cổ phần Container Miền Trung</i> <i>(trước đây là Công ty TNHH Container Miền Trung)</i>		
Lợi nhuận được chia từ công ty con	4.827.512.517	2.484.411.853
Tăng vốn góp	24.500.000.000	-
 <i>Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh</i>		
Cung cấp dịch vụ	-	2.931.295.456
Sử dụng dịch vụ	78.560.019	72.600.667
Lợi nhuận được chia từ công ty con	451.745.546	426.165.718
 <i>Công ty TNHH Tuyển T.S</i>		
Cung cấp dịch vụ	461.468.455	1.599.183.590
Lợi nhuận được chia từ công ty con	121.451.085	118.460.702
 <i>Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh</i>		
Bán hàng hóa	3.106.891.359	4.233.854.137
Sử dụng dịch vụ	8.020.694.283	9.322.877.930
Lợi nhuận được chia từ công ty con	14.581.465.043	8.787.040.759
 <i>Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.139.612.983	3.348.316.061
Sử dụng dịch vụ	9.747.482.667	9.193.354.368
Lợi nhuận được chia từ công ty con	25.840.668.132	18.444.392.799
Thuê tài sản – thuê hoạt động	29.802.000.000	27.630.000.000
 <i>Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP</i>		
Bán hàng hóa	827.772.036	-
Sử dụng dịch vụ	3.122.751.406	-
Góp vốn bằng tiền	-	292.500.000.000
Cho vay dài hạn	90.000.000.000	-
Lãi cho vay	2.019.333.333	-

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2015	2014
	VND	VND
Công ty liên kết		
<i>Công ty TNHH Ngôi sao xanh Tương lai</i>		
Sử dụng dịch vụ	-	779.184.000
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ		
Sử dụng dịch vụ	69.297.098.736	67.828.811.551
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.358.546.699	2.435.322.172
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao	1.776.000.000	1.665.000.000

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Trả cổ tức thông qua phát hành cổ phiếu phổ thông	68.745.010.000	57.288.910.000
Góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Container Miền Trung thông qua đối trừ công nợ nội bộ	24.500.000.000	-

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**35. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại, như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng

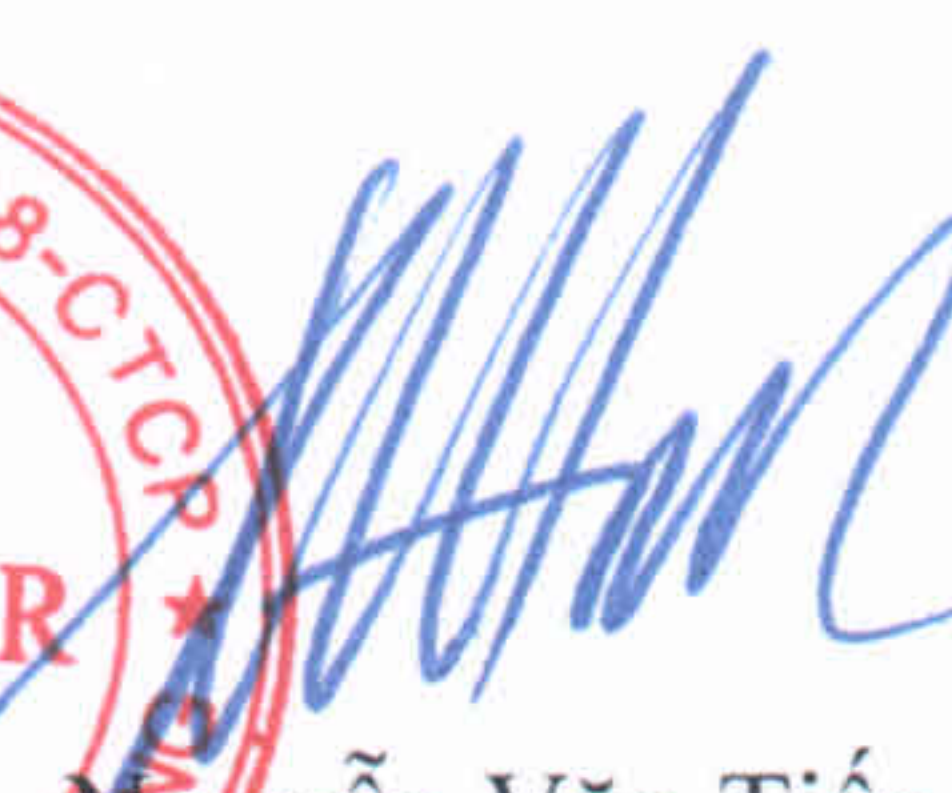
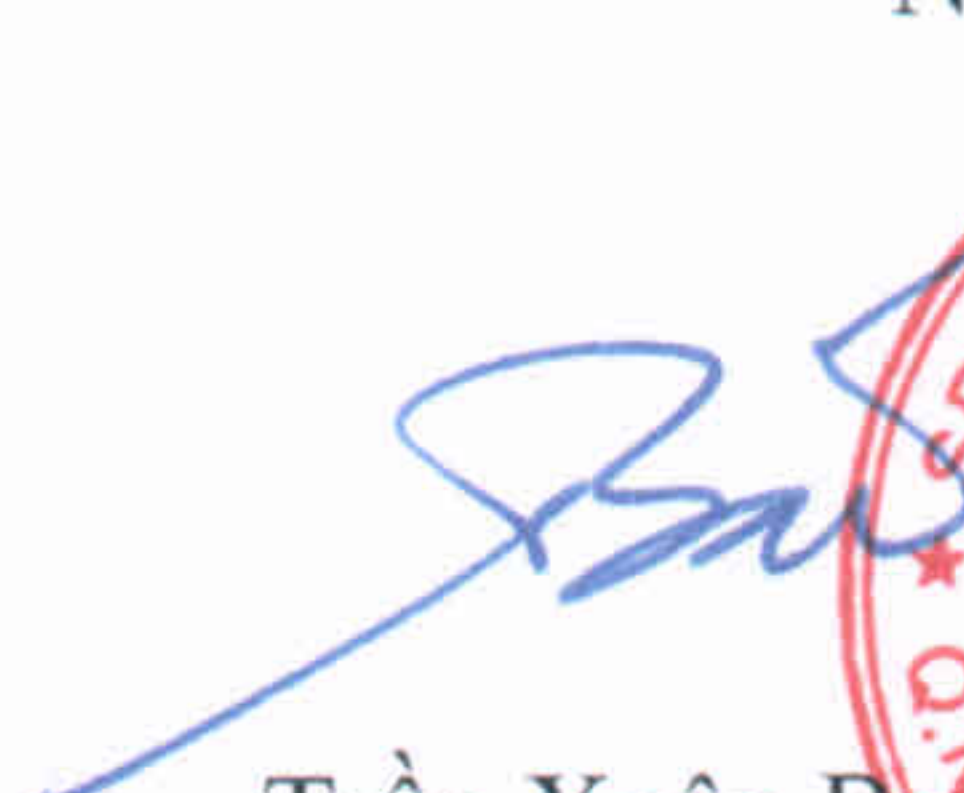
	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn	47.685.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	47.685.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	434.598.341.042	406.528.068.031
Quỹ dự phòng tài chính	-	28.070.273.011

Ngày 18 tháng 2 năm 2016

Người lập:

Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:


Trần Xuân Bảo
Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc